

**CÔNG TY TNHH TPC VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TPC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TPC VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110167442

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 10, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0877084666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)<br>Chi tiết: – Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; – Các dịch vụ dạy kèm( gia sư); – Giáo dục dự bị; – Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; – Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; – Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; – Dạy đọc nhanh; – Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; – Dạy bay; – Đào tạo tự vệ; – Đào tạo về sự sống; – Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; – Dạy máy tính<br>(Điều 78, 80,86,87,89, 91, 93 Nghị định 46/2017/NĐ-CP) | 8559        |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 3.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động Tư vấn và đại diện pháp lý; hoạt động vận động hành lang; hoạt động kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020(Chính) |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>(Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4931        |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô<br>(Điều 5,6,7,8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4932        |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>(Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5210        |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5224        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5225        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5229        |
| 11. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7730        |
| 12. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3315        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 004198004825

Ngày cấp: 04/12/2021      Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Phố B, Thị Trấn Nước Hai, Huyện Hoà An, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 24, ngõ III phố Quan Hoa, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 22/11/1998      Dân tộc: *Mông*      Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 004198004825

Ngày cấp: 04/12/2021      Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Phố B, Thị Trấn Nước Hai, Huyện Hoà An, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 24, ngõ 111 phố Quan Hoa, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội